CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM
TRUNG TÂM ĐĂNG KIỂM PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ VÀ ĐƯỜNG SẮT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số (*N°*): **11916/NVICC09-01/26-00**

GIẤY CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG KIỂU LOẠI Ô TÔ SẢN XUẤT, LẮP RÁP

TYPE APPROVAL CERTIFICATE FOR AUTOMOBILES

Cấp theo Thông tư số 55/2024/TT-BGTVT của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải

Căn cứ vào hồ sơ đăng ký số: **12406/26/AH** Ngày **28/07/2026**
Pursuant to the Technical document N° *Date*

Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: **QCVN 09 : 2024/BGTVT**
Standard, regulation applied

Căn cứ vào báo cáo kết quả đánh giá đảm bảo chất lượng số: **920020/920049/02/25/01** Ngày **17/03/2025**
Pursuant to the results of COP examination record N° *Date*

Căn cứ vào báo cáo kết quả kiểm tra, thử nghiệm số: **12446/26/BC** Ngày **26/07/2026**
Pursuant to the results of Testing report N° *Date*

TRUNG TÂM ĐĂNG KIỂM PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ VÀ ĐƯỜNG SẮT CHỨNG NHẬN

National Vehicle Inspection and Certification Center hereby approves that

Nhóm phương tiện *(Vehicle Category)*: **Ô tô tải thông dụng**
Loại phương tiện *(Vehicle Type)*: **Ô tô tải thùng kín**
Mức độ điện hóa *(Degree of Electrification)*: **Không**
Nhãn hiệu *(Trademark)*: **KIA** Tên thương mại *(Commercial Name)*: **FRONTIER K250L**
Mã kiểu loại *(Model Code)*: **B34R131E5-K11**
Mã số khung *(Frame number code)*: **RNHA49KHK*T******

Khối lượng bản thân *(Kerb mass)*:	**2450** kg
Phân bố khối lượng bản thân lên các trục *(Distribution on axles)*:	**1245 / 1205** kg
Số người cho phép chở không kể người lái (ngồi + đứng + nằm + xe lăn) *(Seating capacity excluding driver)*:	**02 (02+0 +0 +0)** người
Khối lượng chuyên chở thiết kế lớn nhất /cho phép lớn nhất *(Max. Design/ Authorized pay mass)*:	**2350 / 2350** kg
Khối lượng toàn bộ theo thiết kế/ cho phép lớn nhất *(Max. Design/ Authorized total mass)*:	**4995 / 4995** kg
Phân bố khối lượng toàn bộ cho phép lớn nhất lên các trục *(Max. Authorized total mass Distribution on axles)*:	**1710 / 3285** kg
Phân bố khối lượng toàn bộ theo thiết kế lên các trục *(Max. Design mass distribution on axles)*:	**1710 / 3285** kg
Khối lượng kéo theo theo thiết kế lớn nhất/cho phép lớn nhất *(Max.Towed mass: Design/Authorized)*:	--- / --- kg
Kích thước bao (Dài x Rộng x Cao)*(Overall dimensions: L x W x H)*:	**6555** x **2000** x **2940** mm
Kích thước lòng thùng chở hàng/bao ngoài xi téc: *(Inside cargo/Outside of tank:L x W x H)*	**4470**/--- x **1870**/--- x **1900**/--- mm
Số trục xe *(Quantity axles)*: **2** Khoảng cách trục *(Wheel space)*:	**3350** mm
Công thức bánh xe *(Drive configuration)*: **4 x 2** Vết bánh xe các trục *(Axles track)*:	**1485 / 1520** mm
Ký hiệu; loại động cơ *(Engine model, Type)*: **D4CB; 4 kỳ, 4 xi lanh thẳng hàng, tăng áp**	
Công suất lớn nhất/tốc độ quay *(Max. output/ rpm)*:	**96 / 3800** kW/rpm
Loại nhiên liệu *(Fuel)*: **Diesel** Thể tích làm việc:*(Displacement)*	**2497** cm^3

Số lượng; Cỡ lốp: Trục 1: **02; 6.50R16** Trục 2: **04; 6.50R16** Trục 3: ---
(Qty; Tyre size) Trục 4: --- Trục 5: --- Trục 6: ---

Hệ thống lái *(Driver system)*: **Trục vít - ê cu bi; Cơ khí, trợ lực thuỷ lực**
Hệ thống phanh chính *(Service braking system)*: **Phanh đĩa/ Tang trống; Thủy lực trợ lực chân không**
Hệ thống phanh đỗ xe *(Parking braking system)*: **Tang trống; Bánh xe trục 2; Cơ khí**
Phương tiện giao thông thông minh *(Intelligent Motor Vehicle)*: **Không**
Tên, địa chỉ cơ sở sản xuất: **CÔNG TY TNHH MTV SẢN XUẤT VÀ LẮP RÁP XE TẢI THACO**
(Name and address of manufacturer) **KCN Cơ khí Ô tô Chu Lai Trường Hải, Xã Núi Thành, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam**
Tên, địa chỉ xưởng lắp ráp: **CÔNG TY TNHH MTV SẢN XUẤT VÀ LẮP RÁP XE TẢI THACO**
(Name and address of assembly plant) **KCN Cơ khí Ô tô Chu Lai Trường Hải, Xã Núi Thành, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam**
Kiểu loại xe nói trên thỏa mãn Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia *(The product is in compliance with the)* **QCVN 09 : 2024/BGTVT.**
Giấy chứng nhận này có hiệu lực đến hết ngày *(This certificate is valid until)*: **31/07/2029**

Ghi chú: Thành bên thùng hàng có bố trí cửa xếp, dỡ hàng

Hà Nội, ngày **31** *tháng* **07** *năm* **2026**
TL. GIÁM ĐỐC
KT. TRƯỞNG PHÒNG PTGT ĐƯỜNG BỘ
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

BỘ XÂY DỰNG – TRUNG TÂM ĐĂNG KIỂM PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ VÀ ĐƯỜNG SẮT – CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM

Nguyễn Quang Huy